

Phẩm 25: THẬP HỒI HƯƠNG

- Số Câu: “Hai là giải thích tên gọi”: Trong phần văn này nơi bản Số giải gồm hai:

Một: Nói về việc được mang tên phẩm.

Hai: Giải thích tên gọi.

- Trong phần một lại gồm hai:

Một là: Nêu tổng quát.

Hai là: Từ câu: “Nhưng, tên gọi riêng của thập Hồi Hương” tiếp xuống: Là giải thích riêng. Phần này gồm ba:

Thứ nhất: Xác nhận về ba thứ Hồi hương.

Thứ hai: Từ câu: “Chia ba” tiếp xuống: Là chia ba thành mười.

Thứ ba: Kết hợp mười quy về ba.

Trong phần thứ hai, thì Hồi hương thứ tư là Hồi nhân Hương quả.

Nói: “Như Kinh Giải Thâm Mật, Luận Du Già, Lương Nhiếp Luận v.v...”: Tức kinh Giải Thâm Mật, quyển thứ tư, Bồ tát Quan Tự Tại bạch Phật: “Do nhân duyên gì mà các pháp Ba-la-mật đa được gọi là Ba-la-mật đa? Phật bảo Bồ tát Quán Tự Tại: do năm nhân duyên:

Một: Không đắm nhiễm, chấp trước.

Hai: Không luyến tiếc.

Ba: Không tạo tội lỗi,

Bốn: Không phân biệt.

Năm: Hồi hương chân chính...”

Cho đến nói: “Hồi hương chân chính, nghĩa là đem các pháp Ba-la-mật đa đã thực hiện, đã tích tập được như thế, trở lại để cầu đạt được quả đại Bồ đề vô thượng.”

Nói “Luận Du Già”, tức Luận ấy, quyển thứ ba mươi bảy viết: “Thế nào là Bồ tát hồi hương thuận hợp? Nghĩa là các vị Bồ tát với ba môn, tích tập các thiện căn có được, tức khéo tu tập các sự nghiệp:

Một là Phương tiện thiện xảo.

Hai là, Đem lại lợi ích cho người khác.

Ba là, Đời quá khứ vị lai, hiện tại, tất cả đều thâm tóm, giữ lấy, đem tâm tin tưởng tịnh diệu, thuần một vị, xoay cầu đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng. Rốt cuộc, không được dùng chỗ thiện căn đã tích tập ấy để mong cầu các quả báo khác nơi thế gian, ngoại trừ cầu đạo quả giác ngộ tối thượng.”

Lương, Nhiếp Luận quyển thứ mười viết: “Do Bát-nhã hồi hương về sáu độ trước, vì nhằm đạt được đại Bồ đề, nên tu tập Bồ thí v.v... Vô

tận. Bát-nhã có thể dẫn dắt phương tiện.”

Lại trong phần giải thích Phương tiện Ba-la-mật viết: “Bên trong tâm muốn tạo lợi ích cho các chúng sinh, nên các công đức thiện căn, đã thực hiện thấy đều hồi hướng về đạo quả Bồ đề vô thượng”.

Nói “Đẳng” (nơi cuối câu Như Kinh Giải Thâm Mật...) Tức Bồ tát Vô tánh, Thế Thân đều đồng với thuyết này.

Bồ tát Vô tánh giải thích: “Nêu đem thiện căn này cầu đạo quả Bồ đề vô thượng thì đó nhằm chứng đắc quả vị giác ngộ tối thượng của Phật.”

Bồ tát Thế Thân giải thích: “Mọi thiện căn hiện có thấy đều hồi hướng về đạo quả Bồ đề vô thượng, tạo tất cả nghĩa lợi cho các chúng sinh”.

Giải thích: Do văn dễ lãnh hội nên phần Sở giải chỉ lược nêu ra.

- Sở câu: “Sáu là Hồi chỗ gần, kịp, hướng về sự chứng đắc, văn ấy chẳng phải là một”: Do văn nhiều nên không nêu ra riêng. Nếu dùng chỗ Hiện chứng, tức như trong Hồi hướng thứ ba, Tâm chưa thanh tịnh khiến được thanh tịnh. Thanh tịnh tức Tịnh tâm địa. Tịnh Tâm địa là Địa thứ nhất. Chưa thanh tịnh tức là “Gần kịp”. Xoay chỗ gần kịp của kẻ khác khiến kẻ ấy đạt được sự chứng đắc, cũng là tự mình đã “Gần kịp”, cũng khiến cho người khác đạt chứng đắc.

- Sở từ câu: “Tám là Hồi các Hành sai biệt” tiếp xuống: Tức trước hết là nêu ra năm môn thiện căn như sám hối v.v... là thiện căn sai biệt, trong mỗi mỗi Hồi hướng đều nguyện thành tựu Hạnh viên dung của Đại sĩ Phổ Hiền.

- Sở câu: “Mười là Hồi các Hành thuận theo Lý, Sự, hướng về Sự là chỗ thành tựu của Lý”: Nghĩa là, đầu tiên, trong sự tích tập “Tư lương vị” cùng thuận theo cả Lý, Sự, tức đốc cầu pháp Đại thừa với hành sự dũng mãnh, không sợ hãi, vun trồng Bát-nhã, là gốc của đức, tâm không dao động, chỗ báu nơi Tâm thành tựu v.v... tức là Hành thuận theo Lý. Nói “Hướng về Sự là chỗ thành tựu của Lý”: Nghĩa là trăm môn Chân như, đối chiếu với chỗ thành tựu nơi Hành, tức là chỗ thành tựu của Lý.

- Sở từ câu: “Trong mười nghĩa nêu trước” tiếp xuống: Là phần ba, kết hợp mười quy về ba.

- Sở từ câu: “Nếu dựa nơi phần chung nói” tiếp xuống: Là phần thứ hai giải thích về tên gọi.

- Sở câu: “Nhân, Quả, Chủ, Bạn gồm đủ”: Chủ của nhân tức Kim Cương Tràng lực. Bạn của nhân tức là người nghe với thiện căn. Chủ

của quả tức hai Lực của Già Na. Bản của quả tức mười phương Phật gia hộ.

Từ câu: “Nghĩa là nhân của pháp” tiếp xuống: Là nêu ra nguyên do của năm Nhân. Nhân của pháp lâu xa, nguyện được đem để hóa độ; là bản nguyện của Phật Già Na. Chủ, Bản với uy lực được tăng thêm, tức là cùng với diệu lực của uY thần, là uy lực được tăng thêm của Chủ. mười phương chư Phật gia hộ là uy lực được tăng thêm của Bản.

- Số câu: “Cũng như thập Địa, mười trước là tự lợi”...: Tự lợi tức đồng với đối tượng được thành tựu. Lợi tha tức đồng với đối tượng được tạo tác.

- Số từ câu: “Nhưng căn cứ theo Hành bố” tiếp xuống: Là tóm kết phần giải thích. Nêu rõ chẳng phải là hoàn toàn dùng nghĩa trong thập Địa để giải thích văn hiện tại. Cho nên phần trên, Số giải viết: “Cũng như thập Địa”.

“Du” tức là “Như” song nói “Như hai lợi” thì trong đó câu nghĩa hoàn toàn chẳng đồng.

Nói “Địa thì căn cứ theo chỗ nói về Địa. Còn đây là căn cứ theo Hội hướng”: Đoạn Kinh nói về Địa viết: “Thuyết giảng đúng như thật về tướng sai biệt nơi thập Địa của Bồ tát”. Ở đây nêu: Đó là nói về thập Hội Hướng của Bồ tát. Rõ ràng là tự khác biệt.

- Nói “Huống chi nghĩa của phần nói về Địa đều theo thứ tự”: Tức thứ lớp trong phần ấy hiển bày cả hàng trước Địa, trên Địa v.v... Nghĩa là phần ấy nói: “Duyên niệm nơi tất cả pháp Phật, do đó tu tập, phân biệt pháp vô lậu.” Đây tức hàng trước Địa. Phần tiếp theo, kinh nói: “Khéo lựa chọn, quan sát về đại trí sáng tỏ thiện xảo trang nghiêm”, tức là Kiến đạo. Tiếp nữa, Kinh nói: “Khéo hội nhập vào vô lượng môn Trí”. Sáu câu của phần sau biện giải về Tu đạo. Câu này thì nêu rõ từ Nhị Địa đến Thất Địa, năm câu tiếp sau nói về sự hội nhập từ tám địa đến Phật địa. Tức từ cạn đến sâu. Trước Địa, trên Địa, Kiến đạo, Tu đạo, hoàn toàn theo thứ lớp không lẫn lộn.

Còn nay thì ngược lại, nêu rõ là chẳng dựa vào phần nói về Địa ấy. Như văn kinh hiện tại (Hội hướng) thì không có phần “Trước Địa, trên Địa, Kiến đạo, Tu đạo” như kia. Thứ nữa, văn cùng với nghĩa đều chẳng hoàn toàn giống. Chỉ có thể cho rằng: “Như phần kia nói, nhưng không thể dựa vào thứ tự ở kia mà giải thích. Mười câu trên là đối tượng được thành tựu cũng như thế. Chỉ có thể cho là giống nhau.

- Số câu: “Ba câu đầu nêu rõ về diệu lực của pháp thanh tịnh có sự tạo tác”: Đây cũng là dùng cách diễn đạt của Luận, mà chỗ sử dụng

nơi câu sử dụng nhiều ít không đồng. Nơi mười câu của phần kia thì thứ nhất là chung, phần còn lại là riêng. Trong phần riêng, câu đầu là nói về Tha lực, tám câu tiếp sau là nói về Tự lực. Nơi Tự lực có hai: Một câu đầu là nói về “Pháp thiện thanh tịnh, có sự tạo tác”. Kinh nói: “Làm thanh tịnh khắp pháp giới”. Một câu tiếp theo là “Giáo hóa chúng sinh đạt thanh tịnh”. Kinh viết: “Nhiếp phục khắp chúng sinh”. Phần còn lại có sáu câu, đều gọi là “Thân tịnh” thâu tóm làm ba thứ tận cùng.

Nay thì phần “Có tạo tác” gồm ba câu. “Không tạo tác” có hai câu. “Thân tịnh” có ba câu. Lại thiếu phần “Giáo hóa chúng sinh”. Do dựa nơi thứ tự là không, nên thâu tóm ở phần đầu thuộc “Thanh tịnh có sự tạo tác”.

Mà nói: “Bốn Tịnh” tức do trong Nhân có bốn nghĩa:

Một: Có Lực nên có thể tạo tác.

Hai: Không lực nên chẳng thể tạo tác.

Ba: Đủ cả hai, nên có thể dẫn khởi.

Bốn: Thâu tóm cả ba trước, cùng dứt lạng.

Xứng hợp với Lý thành đức như thứ lớp phối hợp với bốn Tịnh ở trước. Phần còn lại diễn rộng như nơi phần kia. Do câu chia hợp chẳng đồng nên cũng có thể chọn chỗ giống nhau.

- Sở từ câu: “Đây là phần trước Địa, có ba Tận” tiếp xuống: Là thông tỏ chỗ vướng mắc. Phần này có thể nhận biết.

- Từ câu: “Lại nữa, trong phần trước, thêm...” tiếp xuống: Cũng là biện giải về ba Hiền, đối chiếu nơi thập Địa. Vì là Sự nên sai biệt, chẳng thể hoàn toàn đồng.

- Sở câu: “Tuy nhiên, mười câu này, đại thể là giống với Địa Kinh”: So sánh các đoạn trước nơi phần kia thì chẳng hoàn toàn giống nhau. Nay cho là “Đại thể thì đồng” tức đã chỉ có một câu, trước loại bỏ, nên được dẫn lại đầy đủ. Phần kia đã giải thích lý do. Ở đây, là phần nhiều giống nhau, tức do cùng với Trí biện giải khiến có chỗ nêu bày, nên có được chỗ “Đại thể là giống nhau”. Trước thì căn cứ nơi đối tượng được nêu giảng nên có chút ít sai khác. Trong đây, mười câu cần phải xem nơi phần sau, đoạn kinh nói về thập Địa. Phần Sở giải chẳng thể nêu dẫn đủ, chỉ tùy chỗ cần thiết mà lược dẫn.

Nói “Ba thứ đồng với Trí”: Tức Tự tướng, Cộng tướng và Bất nhị tướng, Tự tướng là Sắc, Tâm v.v... khác nhau. Đồng (cộng) tướng là cùng vô-thường, Vô ngã v.v... Bất nhị tướng tức là Lý thật duy nhất.

- Sở câu: “Hoặc phần sáu, bảy nơi trước...”: Sáu tức là Biện tài chẳng sợ hãi. Do kinh nói: “Tam muội khéo quan sát chẳng thể nghĩ

bàn” đồng với phần kia nói: “Chỗ dứt mọi sợ hãi của Như Lai”.

Bảy là “Biện tài nêu ra sự giáo hóa”, do chẳng thể hủy hoại tất cả thiện căn là “Nêu ra sự giáo hóa”. Đại thể là giống với “Đại Kinh” nói về “Thành đạo tự tại”.

- Số câu: “Sáu thứ chánh kiến”: Tức là:

Một: Chánh kiến của Trí chân thật.

Hai: Chánh kiến nơi Hành.

Ba: Chánh kiến nơi giáo hóa.

Bốn: Chánh kiến nơi sự lia chấp hai bên.

Năm: Chánh kiến chẳng thể nghĩ bàn.

Sáu: Chánh kiến nơi căn, dục.

- Số từ câu: “Thứ nhất, nếu căn cứ thân nơi văn kinh” tiếp xuống:

Văn nơi phần Số giải gồm hai:

Một: Xét theo kinh để giải thích.

Hai: Từ câu: “Nếu dùng cách diễn đạt của Luận” tiếp xuống: Là dựa theo cách diễn đạt của Luận để giải thích.

- Nơi phần một gồm hai:

Một là, giải thích văn

Hai là, Từ câu: “Cho nên gồm thân trước sau” tiếp xuống: Là thân tóm làm Thể tánh.

- Nơi phần “Một là” gồm hai:

Thứ nhất: Giải thích riêng ba câu.

Thứ hai: Từ câu: “Nhưng trong chỗ luận chung về phẩm” tiếp xuống: Là hiển bày tổng quát về chỗ khó nghĩ bàn.

- Trong ba câu trước, phần giải thích câu thứ hai tự có bốn nghĩa:

Một: Dùng Thể để giải thích “Chẳng thể nghĩ bàn”. Dùng Dụng để giải thích “Lớn”.

Hai: Cùng căn cứ nơi Thể, Dụng để giải thích “Chẳng thể nghĩ bàn”.

Ba: Thể, Dụng, cả hai dung hợp để giải thích “Chẳng thể nghĩ bàn”.

Bốn: Căn cứ vào ba cái lớn (Thể, Tướng, Dụng) cùng dung hợp để giải thích “Chẳng thể nghĩ bàn”.

- Số câu: “Tức là Tâm rộng lớn, không điên đảo”: Hai của bốn Tâm đến phần Hồi hướng thứ tám sẽ nêu dẫn rộng, giải thích.

“Cứu giúp chúng sinh” tức là Tâm rộng lớn. “Lìa tướng chúng sinh” tức là tâm không điên đảo.

Trên là giải thích về “Cứu giúp chúng sinh”.

- Tiếp theo, Từ câu: “Hồi hương là Hành” tiếp xuống: Là dùng tên gọi riêng thứ nhất đối chiếu với phần Hồi hương chung để biện giải về chỗ “được gọi tên”.

- Từ câu: “Ba là nên biết rõ” tiếp xuống: Là tóm kết, phê phán nghĩa xưa. Do từ “cứu giúp” là đối tượng được Hồi hương.

- Từ câu: “Bốn là sắp rơi rụng” tiếp xuống: Là giải thích riêng về hai chữ “Cứu giúp”. Theo đấy mà được mang tên. Như chín thứ Hồi hương còn lại:

*Như Hồi hương thứ hai là Hồi hương chẳng hủy hoại thì.

- Từ “Đối tượng được Hồi” là Thiện căn, mà “Được mang tên”.

Ba là, chung cho cả “Chủ thể Hồi”, “Đối tượng được Hồi” thủy đều ngang với Phật.

Bốn là, theo đối tượng được Hồi hương để nêu tên.

Năm là, Theo đối tượng được thành tựu là đức.

Sáu là Theo “Đối tượng được Hồi”.

Bảy là, Chung cho cả chủ thể Hồi hương, đối tượng được Hồi hương.

Tám là, Cũng chung cả chủ thể, đối tượng, thiện căn đều đồng với Chân như.

Chín là, Theo tâm của chủ thể Hồi hương mà được gọi tên.

Mười là, Cũng chung cho cả Chủ thể, đối tượng Hồi cùng với “Đối tượng được Hương” là Pháp giới để lập danh.

- Sở từ câu: “Hai là theo luận chung, trong mỗi mỗi phần” tiếp xuống: Văn nơi bản Sở giải gồm năm phần:

Một: Nêu tổng quát có ba (dùng thiện căn Hồi hương: Chúng sinh, Bồ đề, Thật tế).

Hai: Từ câu: “Ba loại ấy đều có hai nghĩa” tiếp xuống: Là biện minh về chỗ tạo thành nhân của ba loại.

Ba: Từ câu: “Sở dĩ” tiếp xuống: Là xác lập ba lý do.

Bốn: Từ câu: “Lại nữa, ba loại ấy ắt cùng hỗ trợ” tiếp xuống: Là dung thông ba Tướng.

Năm: Tóm kết, xác nhận tính chất viên dung.

- Nơi phần một có thể nhận biết.

- Sở câu: “Ba thứ ấy đều có hai nghĩa” Là phần hai xác nhận Nhân của ba thứ ấy.

- Nói “Ắt do chúng sinh”: Tức nếu không có chúng sinh thì Bồ tát chẳng tu tập, hành hóa. Do từ nghĩa trên nên sự tu tập điều thiện ấy là thuộc nơi chúng sinh....Như tài sản của cha mà con có phần.

- Nói “Hai phần còn lại”: Tức cũng giống với trên, ắt do chúng sinh mà thành, là Bồ đề, là Thật tế. Mà tu tập điều thiện kia tức là hai phần ấy.

- Từ câu: “Bồ đề phần” tiếp xuống: Tức cùng với trên là phần của chúng sinh. Hết thấy muôn hạnh đều là Bồ đề phần. Phần cũng nhân nơi nghĩa xứng hợp với Thật tế tức là Thật tế phần.

- Sở từ câu: “Hai là, phạm là Bồ tát” tiếp xuống: Tức trước là căn cứ theo Cảnh để biện minh, còn đây là căn cứ nơi người để nêu bày. Lại nữa, trước là dùng người theo pháp, còn ở đây thì thấu tóm pháp theo người. Thêm nữa, trước là giải thích theo hướng thuận, còn đây thì hiển bày theo chiều ngược.

- Sở từ câu: “Sở dĩ cần thiết phải đủ ba thứ” tiếp xuống: Là phần ba, xác lập ba lý do. Phần này gồm hai:

Một: Chọn lấy ba loại.

Hai: Căn cứ chung nơi đối tượng được thành tựu.

Nơi phần một có mười văn, gồm đủ: Nêu lên. Trình bày, Giải thích, Tóm kết.

- Sở từ câu: “Một là dựa nơi ba pháp” tiếp xuống: Là giải thích. Ba pháp tức là ý của Trí Luận. Cũng là ba Bát-nhã cùng với ba đại. Trong văn chỉ nêu ra ba đại. Chân tánh nơi Thật tế tức là Thật tướng Bát-nhã. Quán chiếu, tức là Quán chiếu Bát-nhã. Hỗ trợ để thành tựu tức là Quyển thuộc Bát-nhã. Do chẳng giống với tên gọi ba Bát-nhã, lại chẳng thấu tóm năm tên gọi, nên đã lược bỏ, không phối hợp.

- Sở câu: “Hai là diệt trừ ba nẻo”: Tức là ba nẻo tạp nhiễm, nghĩa là: Nẻo phiền não, nẻo Nghiệp và nẻo khổ.

- Sở câu: “Ba là làm thanh tịnh ba Tụ giới”: Kinh Pháp Tập viết: “Nếu Bồ tát lìa bỏ ba Tụ giới mà phát tâm Hồi hướng, thì Bồ tát chẳng thể cùng với quả vị nhằm đạt tới an trụ.”

- Sở câu: “Bốn là hiển bày ba Phật tánh”: Tức ý nơi kinh đại Bát Niết-bàn. Do “Đệ nhất nghĩa không” là Tánh của “Chánh nhân”. “Liễu nhân” thì chung cho muôn hạnh thành tựu nơi Bồ đề, rốt ráo thấu tỏ, nên hoàn toàn thấu đạt nơi việc thấy Phật tánh. “Duyên nhân” thì cũng chung cho muôn hạnh, thành tựu nơi Bồ đề, đối hợp với “Chánh nhân” ở trên. Nay, cho Bồ đề là soi chiếu, thấu tỏ, nên hướng đến chúng sinh là duyên.

- Sở câu: “Năm là thành tựu nơi Tam Bảo”: Vốn làm Thầy của Chư Phật ấy gọi là Pháp. Do pháp chân thường nên Thể tánh tách lìa. Do chúng sanh là đồng thể nên ta hướng về Tam bảo. Bốn phần tiếp

theo chỉ nêu ra mà không giải thích. Chỗ tiếp sau chỉ nói: Như thứ lớp mà phối hợp.

Sáu là Pháp thân tức Thật tế của đối tượng được chứng đắc. Báo thân tức Chủ thể chứng đắc Bồ đề. Hóa thân là chúng sinh.

Bảy là chứng đắc nẻo thật, dứt hết mọi Hoặc nên là Đoạn đức. Bồ đề là Trí đức. Hóa độ chúng sinh là Ân đức.

Tám là, nói “Thật tướng Bồ đề”, phần sau của Kinh nêu: “Vին như thế giới có thành hoại, mà Hư không kia chẳng tăng giảm. Hết thủy chư Phật thành tựu Bồ đề, thành cùng chẳng thành không sai biệt.” Trong chỗ kết hợp thì câu trên tức là “Thật trí Bồ đề”, câu dưới tức là “Thật tướng Bồ đề”. Kinh Tịnh Danh có câu: “Bồ đề chẳng thể dùng Thân mà đạt được, chẳng thể dùng Tâm mà đạt được. Tịch diệt là Bồ đề vì dứt trừ mọi hình tướng”.

Chín là, chứng ba Niết-bàn. Gồm hai:

Thứ nhất: Chính thức giải thích.

Thứ hai: Từ câu: “Nếu dựa nơi Địa Luận” tiếp xuống: Là tóm kết, phê phán Địa Luận, do Địa Luận chỉ nói Tánh tịnh, Phương tiện tịnh. Phương tiện tịnh tức là Chân tịnh. Nay nêu rõ Chân tịnh là Viên tịnh. Muôn đức đều viên mãn, mọi sự hệ lụy đều diệt, nên gọi là Viên tịnh. Dấu vết tận cùng nơi rừng Sa La. Cơ duyên hết nên ứng hiện sự đổi đời là Phương tiện tịnh.

- Số từ câu: “Mười là an trụ nơi ba thứ Bí mật tạng” tiếp xuống: Nghĩa này sâu xa khó lãnh hội, lại là phần sau cùng nên cần giải thích riêng. Trong phần giải thích về Giải thoát đã nêu có ba nghĩa:

Một: Tự giải thoát.

Hai: Giải thoát cho người khác. Nếu tự mình bị trói buộc mà có thể giải thoát trói buộc cho kẻ khác là điều không thể có.

Ba: Hóa độ chúng sinh, tức tác dụng về giải thoát.

Các phần còn lại như trước sau đã nêu.

- Số từ câu: “Do mười nghĩa này” tiếp xuống: Là tóm kết, đối chiếu. Gồm hai:

Một: Tóm kết phần trước.

Hai: Từ câu: “Như lập ba thứ Bồ đề” tiếp xuống: Là so sánh để giải thích. Lại gồm hai:

Một là, Nêu ra ba Bồ đề tâm, tức nơi Luận Khởi Tín: “Thành tựu Chánh tín mà phát tâm là phát ba Tâm. Một là Trực tâm tức chánh niệm pháp chân như (Tức hướng đến Thật tế). Hai là Thâm tâm, tức ưa thích tu tập tất cả hạnh Thiện (Tức hướng tới Bồ đề). Ba là Đại bi tâm tức cứu

giúp diệt trừ mọi thứ khổ của chúng sinh (Tức hướng tới chúng sinh). Rõ là cùng dùng mười nghĩa này để xác nhận ba thứ Hồi hướng kia.

Hai là, từ câu: “Lại nữa, trong mười nghĩa này” tiếp xuống: Là lần lượt cùng thành tựu, thành một trăm. Về ba môn thì có thể nhận biết.

- Số câu: “Thứ tư là định vị” Phần này gồm ba:

Một: Căn cứ nơi năm Vị.

Hai: Lược nêu lên văn ở trước.

Ba: Căn cứ vào các giáo để nhận định, phân biệt.

Nơi phần một có hai giải thích: Giải thích trước thuộc về Tư Lương, Giải thích sau thuộc về Gia hạnh.

- Trong phần trước đã dẫn Luận Trang Nghiêm để chứng minh. Tức Luận ấy, quyển bảy, kệ viết:

*“Hành hết một Tăng Kỳ
Tín càng thêm tăng trưởng
Các thiện theo Tín tụ
Cũng đủ như biển đầy.”*

Phần văn xuôi đã giải thích ý nghĩa nơi kệ.

- Tiếp theo là dẫn Duy Thức để xác nhận cho phần vừa nêu trên.

- Sau là dẫn Luận Tạp Tập để trở lại chứng minh cho Duy Thức cùng hai văn trên. Luận Tạp Tập viết: “Thế nào là Bồ tát dựa nơi phương tiện là địa Du Già để tu tập, chứng đắc Vô sở đắc? Nghĩa là các Bồ tát đã khéo tích chứa hai thứ phước đức, trí tuệ là Tư lương, đã trải qua vô số đại kiếp thứ nhất. Ở đây là tóm kết phần trước, đã lãnh hội, tùy thuận chỗ thông đạt các pháp nơi khế kinh, Chân như, đúng theo Lý tác ý, dẫn tới Tam ma địa”. Nghĩa của năm Vị nơi phẩm mười Trụ đã biện minh tóm lược, sẽ được diễn rộng nơi phẩm thập Địa. Nay chỉ định rõ về Vị là Tư Lương Vị. Từ Tín đến Hồi hướng đều là Tư Lương vị.

- Số từ câu: “Có chỗ cho rằng thập Hồi Hướng này” tiếp xuống: Là phần hai, nêu rõ là Gia hạnh. Nghĩa của bốn Gia hạnh cũng như Địa thứ nhất. Nhưng có hai giải thích:

Giải thích trước là ý của Đường Tam Tạng.

Nói “Văn này là chứng minh tuy chẳng rõ ràng”: Là do chỉ nói bốn là “Thắng giải Hạnh” thâm tóm vị Thắng giải Hạnh, tức chỉ chung cho hàng “Trước Địa”. Ví như bốn Gia hạnh ở sau Hồi hướng, há chẳng cũng lại cho là chỗ thâm tóm của Thắng giải Hạnh? Vì bốn Thiện căn chưa hội nhập nơi Địa.

- Số câu: “Một cho là, trong bốn Gia hạnh, là chỗ thâm tóm của Thế đệ nhất”: Tức là cách giải thích sau, theo ý của Tam tạng Chân Đế.

Luận Tập Tập cũng nói: “Người tu Nguyên lạc Hạnh tự có bốn thứ: Tức là mười Tín, mười Trụ, thập Hạnh, thập Hồi Hương, là Bồ tát Thánh đạo có bốn phương tiện... Ở nơi A Tăng ký kiếp thứ nhất tu tập viên mãn. Cũng ở nơi trước Địa không rời Gia hạnh.”

Nên phần Sở giải tóm kết: “Tức không có năm Vị.”

- Sở từ câu: “Phần còn lại căn cứ theo bốn Vị v.v...” tiếp xuống:

Là phần hai, lược nêu ra văn ở trước.

Mà nói “Đẳng”, tức phần kia có mười môn:

Một: Căn cứ nơi năm Vị.

Hai: Căn cứ theo bốn Trụ.

Ba: Căn cứ theo mười hai Trụ.

Bốn: Căn cứ nơi mười ba Trụ.

Năm: Dựa theo mười ba pháp sư.

Sáu: Căn cứ nơi năm Nhẫn.

Bảy: Căn cứ nơi năm mươi hai Vị.

Tám: Căn cứ vào bốn mươi hai Hiền Thánh.

Chín: Căn cứ theo sáu thứ Tánh.

Mười: Căn cứ nơi bốn mươi hai Vị viên dung.

- Sở từ câu: “Từ trước giờ đa phần là” tiếp xuống: Là phần ba, nhận định phân biệt. Tức dựa nơi năm Giáo: Bốn Giáo sau thì:

Một là Thủy giáo.

Hai là, từ câu: “Có thuyết nói ba Hiền” tiếp xuống: Là Chung giáo.

Ba là, Từ câu: “Có chỗ nói: Tất cả Hành vị” tiếp xuống: Là Đốn giáo.

Bốn là, Từ câu: “Nếu dựa theo bộ phận thích hợp” tiếp xuống: Là Viên giáo. Phần này gồm hai:

Một: Chính thức giải thích.

Hai: Từ câu: “Tuy nhiên, cùng với” tiếp xuống: Xét về câu, đối chiếu với phần trước để dung thông.

- Sở câu: “Thứ năm là Hành sai biệt”: Trong phần này gồm:

Một: Chính thức giải thích về tính chất “Viên dung”. Tức một “Hồi hương Hành” thì thấu tóm đủ các “Hồi hương Hành”.

Tiếp theo là nói về “Hành bố”, tức chỗ vừa giải thích trong phần giải thích về tên gọi riêng.

Hai: Từ câu: “Có người đem thập Hồi Hương phối hợp với mười độ” tiếp xuống: Tức ý của Trưởng giả Lý Thông Huyền (635-730) đã giải thích, dùng tên gọi để thấu tóm. Cũng có lý để tồn tại. Một là Hồi

hương “Cứu giúp chúng sinh, là tướng chúng sinh” thì tương tự với Bồ thí. Hai là Hồi hương “Chẳng hủy hoại” thì tương tự với Trì Giới. Ba là Hồi hương “Cùng với tất cả chư Phật” thì giống với Nhẫn. Bốn là Hồi hương “đến hết thảy nơi chốn” thì giống với Tinh tấn. Do Tinh tấn nên biến hiện khắp chốn. Năm là Hồi hương “Vô tận công đức tạng” thì tương tự với Thiền định, vì Thiền thâm tóm mọi đức. Sáu là Hồi hương “Tùy thuận kiên cố” là thuận với Bát-nhã. Bảy là Hồi hương “Cùng tùy thuận tất cả chúng sinh” là đồng với Phương tiện. Tám là Hồi hương “Chân như tướng” thì tương tự với Đại nguyện. Chín là Hồi hương “Không bị trời buộc, không chấp trước” là giống với Lực. Mười là Hồi hương “Nhập vô lượng pháp giới” thì giống với hội nhập nơi Trí.

Nhằm hiển bày nhiều lối, chẳng hủy hoại tính chất “Hành bố”. Trong bốn mươi Vị phần nhiều đều giống nhau, nên vì đấy mà thâm tóm. Nhưng trong mỗi mỗi Vị cũng phần nhiều nêu ra các độ. Lại như Hồi hương thứ sáu, nói rộng về bố thí, nên chẳng phải là nghĩa chính. Do đó nói là “Cũng có lý để tồn tại”.

Thứ năm là nêu về phần.

- Số từ câu: “Lại nữa, Kinh Bản Nghiệp viết” tiếp xuống: Là dẫn Kinh Bản Nghiệp để chứng minh. Gồm hai:

Một: Nêu lên. Do Không tiếp cận nơi Có, tức trước là nêu rõ về “Lìa tướng chúng sinh”.

Hai: Là nói về phần “Cứu giúp chúng sinh”.

Nói: “Chẳng thọ mà thọ nhận các Thọ”: Thọ tức là năm Ấm, cùng với sáu Thọ. Do thấu rõ về Vô tướng nên không thọ nhận các pháp. Vì từ đối tượng nơi hiện tại đã thấy nghe hiểu biết nên thọ nhận. Lại nữa, đã vượt khỏi năm Ấm, là Ấm của đời hiện tại. Kinh Tịnh Danh có câu: Dùng “không có gì thọ” mà thọ nhận các pháp. Chưa gồm đủ pháp Phật thì cũng chẳng diệt trừ thọ mà chọn lấy sự chứng đắc”.

Nói “Xoay đổi chuyển hóa”: Tức sự cứu giúp chúng sinh chẳng phải là một.

- Số từ câu: “Thứ nhất, cổ nhân cho đây” tiếp xuống: Văn nơi bản Sở giải gồm bốn phần:

Một: Nêu kiến giải đã có từ trước.

Hai: Từ câu: “Như thuận theo tên gọi trước” tiếp xuống: Là bàn rộng về nghĩa chính.

Ba: Từ câu: “Do Hành thứ nhất ấy” tiếp xuống: Là thông tỏ chỗ vướng mắc do vấn nạn. Vấn nạn nêu: Vì sao lại đem Thể chung làm Thể riêng? Nên vì đấy mà ở đây cần thông tỏ.

Bốn: Từ câu: “Nếu do vì muốn” tiếp xuống: Là thân tóm toàn bộ nghĩa của người xưa.

- Số câu: “Trong năm thứ bố úy (sợ hãi) đã hàm chứa ba nẻo”: Tức nơi nẻo Ác thì sợ hãi về khổ. Ác gọi là Phiền não. Uy đức của Đại chúng là Nghiệp. Nếu nêu về nhân kia thì năm thứ ấy đều là phiền não. Lại, chết cùng với chẳng thể hoạt động, phiền não là nhân, phần còn lại là ít công đức, tức là Nghiệp.

- Số câu: “Căn bản là bất giác (chẳng hiểu biết)”: Tức văn của Luận Khởi Tín, là “Vô minh là cái ban đầu”.

- Số câu: “Một là đại sự”: Tức nghĩa như đã nêu ở Hội thứ nhất.

- Số câu: “Một là mảng lớn phước đức đã viên mãn”: Trong mỗi câu có đủ Pháp, và Thí dụ.

Một: Như vầng mặt trời viên mãn là dụ. Pháp kết hợp tức là Phước đức đã viên mãn.

Hai: Chỉ một chữ Trí là Pháp. Phần còn lại là chung cho Pháp, dụ.

Nói: “Chính là dụ về vầng mặt trời rộng lớn”: Tức soi chiếu vòng khắp núi Thiết vi. Sâu là không phân mà hiện hữu khắp. Khó lường là chung cho hai nghĩa nêu trên.

Câu: “Sáu là ba Thừa như núi, hang”: Tức mười núi chúa lớn như Bồ tát Thừa. Hắc sơn là Duyên giác. Cao nguyên là Thanh văn. Hang là gồm chúng sinh với phần ít có thể phát sinh. phần còn lại có thể dựa theo đấy mà xét.

Trong phần biện giải trên là bàn về bảy Tạng trước nơi mười Tạng: Một là Tín. Hai là Giới. Ba là Tâm. Bốn là Quý. Năm là văn (nghe). Sáu là Thí. Bảy là Tuệ.

- Số câu: “Cho nên Hồi hướng thứ ba lược nêu rõ về mười thứ an lạc”: Văn nơi bản Sở giải có nêu lên một thứ (Sự an lạc nơi chỗ trụ của Phật chẳng thể nghĩ bàn). Chữ “Đẳng” là chỉ cho chín thứ còn lại. Đó là:

Hai: Sự an lạc nơi Tam muội của Phật không gì có thể sánh.

Ba: Sự an lạc nơi tâm từ bi không thể hạn lượng.

Bốn: Sự an lạc về giải thoát của tất cả chư Phật.

Năm: Sự an lạc của thần thông lớn lao không có biên vực.

Sáu: Sự an lạc nơi cảnh giới tự tại rộng lớn, hết mực cao quý.

Bảy: Sự an lạc nơi vô lượng diệu lực, biến hiện khắp, rộng lớn, rất ráo.

Tám: Sự an lạc của tịch tĩnh lìa mọi tri, giác.

Chín: Sự an lạc của nẻo Trụ nơi “Trụ vô ngại”, luôn đạt chánh định.

Mười: Sự an lạc của nẻo hành hóa “Hành không hai” chẳng biến đổi.

- Số câu: “Lại, pháp chẳng thể nghĩ bàn”: Là nêu tóm lược về mười thứ “Vô lượng Trụ”. Văn nơi phần Sở giải cũng nêu một loại và chữ đấng là chỉ cho chín loại còn lại, gồm:

Hai: Trụ nơi vô số thân thực hiện các Phật sự.

Ba: Trụ nơi ý bình đẳng, chuyển Pháp luân thanh tịnh.

Bốn: Trụ nơi bốn Biện tài thuyết giảng vô lượng pháp.

Năm: Trụ nơi tất cả pháp Phật chẳng thể nghĩ bàn.

Sáu: Trụ nơi âm thanh thanh tịnh biến hiện khắp vô lượng cõi.

Bảy: Trụ nơi pháp giới hết mực sâu xa chẳng thể nêu bày.

Tám: Trụ nơi chỗ hiện bày tất cả thân thông tối thắng.

Chín: Trụ nơi chỗ khai mở, chỉ rõ pháp cứu cánh không có chương ngại. Thiếu pháp thứ mười.

- Số câu: “Trước là cứu tám khổ”: Tám khổ tức: Sanh khổ, Già khổ, Bệnh khổ, Tử khổ. Năm Ấm biến chuyển khổ. Cầu chẳng đạt khổ. Oán ghét gặp nhau khổ. Yêu thương mà xa lìa khổ. Về tám nạn ở phần sau sẽ giải thích rộng.

- Số câu: “Vĩ lữ Hác”: Đến phẩm Xuất Hiện sẽ biện minh.

- Số câu: “Hỏi: Khổ của chúng sinh v.v...”: Phần trên là lược giải thích xong. Từ đây trở xuống là phần hỏi-đáp. Trong phần đáp gồm có ba:

Một: Chính thức nêu rõ.

Hai: Từ câu: “Bảy nghĩa trên đây” tiếp xuống: Là phân biệt, nhận định.

Ba: Từ câu: “Nếu dựa nơi hai nghĩa bốn và năm” tiếp xuống: Là thông tỏ chỗ vướng mắc do vấn nạn.

- Số câu: “Ở đây dựa nơi Lương Nhiếp luận quyển thứ mười một nói”: Bản Luận viết: “Sự sai biệt hết sức sâu xa là. Như Bồ tát do nơi phương tiện Thắng trí ấy, thực hành mười pháp ác như sát sinh v.v... không “Có lỗi lầm nhiều trước”, thì có thể làm phát sinh vô lượng phước đức, mau chóng chứng đắc đạo quả Bồ đề tối thượng.”

Thích Luận viết: “Như Bồ tát có thể thực hành theo đúng chỗ dốc sức để làm với phương tiện là Thắng Trí... Nay hiển bày nghĩa này: Như Bồ tát có thể thực hành, mà biết rõ với sự việc như thế, sẽ có người ắt

phải tạo nghiệp ác như tạo tội Vô gián v.v... Bồ tát rõ biết tâm niệm của kẻ kia, không có phương tiện nào khác có thể khiến kẻ ấy lìa bỏ hành ác, duy chỉ có phương tiện là “Đọa mạng” thì mới có thể khiến kẻ đó không tạo nghiệp ác. Bồ tát lại biết kẻ ấy sau khi chết đi ắt phải sinh vào cõi thiện. Nếu không “Bỏ mạng” mà quyết thực hiện điều ác kia thì phải bị đọa vào chốn cực khổ, mãi mãi thọ khổ. Bồ tát nhận biết sự việc ấy rồi liền suy tính: Ta nếu thực hiện nghiệp sát sinh này ắt phải bị đọa nơi địa ngục. Ta nguyện vì kẻ ấy mà thọ nhận khổ báo này, sẽ khiến cho kẻ ấy nơi đời hiện tại thọ nhận sự khổ nhẹ, ít, nơi đời vị lai sẽ được hưởng an lạc lớn, lâu dài. Ví như bậc lương y trị người có bệnh, thì trước tiên làm giảm đi sự khổ nặng, sau mới dứt trừ bệnh nặng. Sự hành hóa của Bồ tát cũng lại như thế. Đối với đạo Bồ tát thì không việc làm gì không là phước đức, nên lìa mọi lỗi lầm do nhiễm đục. Nhân đấy mà sinh trưởng vô lượng phước đức, có thể mau chóng chứng đắc đạo quả Bồ đề vô thượng.” Phương tiện như thế là hết mực sâu xa. Thực hiện các hành ác khác như trộm cắp v.v... cũng lại như vậy.

- Câu: “Kinh đại Bát Niết-bàn nói về quốc vương Tiên Dự”: Tức nơi quyển thứ mười sáu, phẩm Phạm Hạnh, nhân giảng nói về “Nhất tử địa” (Gọi đủ là Cực Ái Nhất Tử địa: Là địa vị Bồ tát có tâm yêu thương mọi chúng sinh như cha mẹ yêu con), Bồ tát Ca diếp nêu vấn nạn: Nếu các vị Bồ tát trụ nơi “Nhất tử địa”, thì vì sao đức Như Lai xưa kia làm quốc vương, lúc hành hóa hạnh Bồ tát mà lại giết hại giòng họ Bà-la-môn?”

Phần tiếp sau Phật đã giải đáp rộng. Trước nói về tâm từ bi xong, Đoạn cuối nêu: Bồ tát luôn suy xét: Dùng nhân duyên gì để có thể khiến cho chúng sinh phát khởi tâm tin tưởng, nên tùy theo phương tiện kia cần phải thực hiện. Các người Bà-la-môn ấy, sau khi mạng chung, sinh vào địa ngục A Tỳ liền có ba suy nghĩ: Một là tự nghĩ ta từ nơi nào sinh đến đây, tức biết là từ nơi cõi người. Hai là tự nghĩ. Chỗ ta sinh đến hiện nay là chốn nào, liền tự biết đây là địa ngục A Tỳ. Ba là tự nghĩ, do nghiệp duyên nào mà bị đọa vào cõi này, tức liền biết rõ là mình đã hủy báng các kinh điển Đại thừa, chẳng tin nhân duyên, bị quốc vương giết mà sinh tới đây. Suy nghĩ như thế rồi, liền đối với các Kinh điển Đại thừa sinh tâm kính tín. Cùng lúc mạng chung được sinh đến thế giới của đức Như Lai. Cam Lộ Cổ, thọ mạng đủ mười kiếp. Thiện nam! Do ý nghĩ ấy, phải nói là Như Lai xưa kia đã đem ban cho họ mười kiếp thọ mạng, sao lại nói là giết họ ?”

- Số câu: “Gây chướng ngại gần là sự an lạc ở cõi Trời, hướng chi

là nơi đạo quả đại Bồ đề, phiền não, tập khí cùng diệt hết”:

Giải thích: Đây tức là ý nơi kinh Đại phẩm Bát-nhã. Quyển thứ nhất của kinh ấy viết: “Bồ tát Ma-ha-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa, lúc sáu pháp Ba-la-mật được tăng trưởng, thì các hàng thiện nam, thiện nữ thấy đều sinh tâm hoan hỷ, suy nghĩ: Chúng ta đã luôn vì vị này mà làm cha mẹ, vợ con, giòng họ, tri thức. Bấy giờ, trời Tứ Thiên vương, cho đến trời A Ca Ni Trá đều hết sức vui mừng, mỗi mỗi chư thiên đều suy nghĩ: Chúng ta thường tạo phước thiện, khiến cho vị Bồ tát này lìa bỏ dâm dục, từ khi mới pháp tâm luôn là bậc “Đồng chân”, không khiến cùng với cái khổ của sắc dục gặp gỡ. Nếu thọ nhận năm dục còn là chướng ngại cho việc sinh nơi cõi Phạm thiên, hướng hồ là đối với đạo quả của Chánh đẳng chánh giác vô thượng. Nay Tôn giả Xá Lợi Phất! do ý nghĩa ấy mà Đại Bồ tát xuất gia phải đoạn trừ mọi dâm dục mới có thể chứng đắc đạo quả Bồ đề vô thượng, chẳng phải là chẳng đoạn dục mà đạt được!”.

- Từ câu: “Nay nói dâm dục tức là đạo” tiếp xuống: Là nghĩa về sự khuyên răn đối với những kẻ “Đắc ý”. Trước đã từng có trong phẩm Pháp giới, sẽ lại giải thích diễn rộng.

- Sở câu: “Dựa nơi kinh Giải Tiệt nói có năm thứ an lạc” Tức nơi Hội đầu đã nêu bày đầy đủ.

- Sở câu: Nghĩa của Cổ, Phục thấy nơi Mao Thi”:

Kinh Thi viết: “Cha sinh ra ta, Mẹ nuôi nấng ta...” Trịnh Huyền chú giải nói: “Cổ là trông coi. Phục là lui tới. Tức ý nói lìa con tuy gần, hễ còn thường xuyên lui tới, trông nom”. Lại, Sách chú giải Kinh Thi viết: “Là cổ, là phục: Là luôn nhớ nghĩ đến mà nấng lui tới.”

Nay, Bồ tát đối với chúng sinh cũng thế.

- Sở câu: “Thứ nhất, công đức cao như trời đất mà bất nhân...”: Tức văn nơi Triệu Luận của đại sư Tăng Triệu, dùng ý của Lão Tử. Lão Tử viết: “Trời đất bất nhân coi vạn vật như chó rơm. Thánh nhân bất nhân, coi trăm họ như chó rơm.” Tức nơi sách Đạo đức Kinh Thiên thượng, chương năm (Theo bản dịch của Nguyễn Hiến Lê). Chú giải: “Bất nhân là chẳng có lòng nhân ban ân.” Chó, Rơm thì có hai. Hà Thượng công nói: Cổ rơm, chó nuôi tức là hai vật.” Phần “Ngự chú” viết: “Kết rơm làm chó là chẳng cậy vào tiếng chó sủa cảnh giác kia”. Đại ý là nhằm biện minh Trời đất, Thánh nhân không có tâm ý cậy vào nhân đức của mình. Nay, Bồ tát cũng như thế. Bồ tát công đức cao mà chẳng dựa cậy vào Bát-nhã quá không.

Câu: Mà càng tối tăm”: Tức như “không biết gì cả”.

- Nói: “Cao lớn như trời đất”: Tức Trời, đất thì che phủ mà không chuyên chở, chuyên chở mà không che phủ. Còn Bồ tát thì gồm đủ cả hai. Lại nữa, Trời đất chỉ che phủ Thân mà không thể che, phủ Tâm cùng với muôn điều Thiện.

- Nói: “Ánh sáng vượt cả mặt trời, mặt trăng”: Ánh sáng của mặt trời, mặt trăng chẳng gồm cả ngày đêm. Bồ tát đại bi thì luôn soi sáng mọi nơi chốn tối. Mặt trời, mặt trăng chỉ soi chiếu nơi Thân mà chẳng thể soi chiếu nơi Tâm. Trí Tuệ của Bồ tát thì ngược lại, không pháp nào là không soi chiếu. Cho nên phần văn sau viết: “Chẳng cầu báo ân, tức là nghĩa bất nhân v.v...”

- Số câu: “Nhưng mỗi mỗi tùy tướng, đều gồm đủ như các câu phần sau nói về lìa tướng”: Vả lại như ở trên, hướng đến tất cả chúng sinh, tức đạt yên chúng sinh nơi không chỗ chấp trước, cùng các câu hồi hướng về Pháp tánh. Lại như kinh đại Bát-nhã, tùy nơi một tướng lìa mà nêu trải khắp tướng của hơn tám mươi loại. Như một thanh tịnh thì nêu trải khắp nơi Sắc v.v... Nay chẳng muốn dẫn văn quá nhiều, nên mỗi thứ chỉ nêu một xứ.

- Số câu: “Thứ nhất, mười bốn câu là lìa đối tượng được chấp giữ tướng”: Trong đó tức gồm đủ năm pháp:

Một: Tướng.

Hai: Tướng tức Vọng tướng.

Ba: Tên gọi.

Bốn: Như như.

Năm: Chánh trí thì hàm chứa trong chỗ lìa vọng.

- Số câu: “Tánh tự dứt hết mọi vướng chấp”: Tức phân biệt chẳng phải là tu tập thành không vướng chấp. Văn nói tu tập mà thành ở trong phần “Đem đặt yên”.

- Số câu: “Chúng sinh thấu rõ tự tánh”: Tự tánh tức là Chân như, gồm đủ cả Bất biến, Tùy duyên.

- Số câu: “Chín là hiển bày chung về các sự đều có thể thành nhân duyên”: Các sự tức là chủ thể Hồi, chủ thể Hướng, đều từ duyên sinh.

- Số câu: “Nêu rõ phần Hồi hướng trên không ra ngoài mười loại”: Tức là Tổng kết.

- Nói: “Do hai câu sau nên là Vô tánh”: Hai câu tức “Có thể thành nhân duyên” cùng “Chỗ dứt khởi của duyên”. Do từ duyên khởi nên Vô tánh.

- Nói “Vô tánh nên không có đối tượng được chấp trước” Tức là tóm kết quy về câu chung: “Hồi hướng về Pháp tánh, đặt yên chúng

sinh nơi chỗ dứt mọi chấp vướng.” Do chung gồm thâu riêng nên đều không chấp vướng.

- Sở từ câu: “Hai là lia chủ thể chấp giữ Tướng” tiếp xuống: Văn nơi phần Sở giải gồm ba:

Một: Giải thích tóm lược văn kinh.

Hai: Từ câu: “Cho nên kinh Đại Phẩm” tiếp xuống: Là dẫn chứng.

Ba: Giải thích ba chỗ chẳng đồng.

- Trong phần hai đã nêu dẫn ba Kinh để chứng minh.

Thứ nhất là dẫn kinh Đại Phẩm Bát-nhã.

Thứ hai tức nơi phẩm Quang Minh Giác.

Thứ ba là dẫn kinh đại Bát-nhã.

- Thứ nhất: Dẫn kinh đại Phẩm Bát-nhã, tức nơi Phẩm Tùy Hỉ Hội hướng. Văn được nêu dẫn nơi phần Sở giải là tóm lược. Nếu dẫn đầy đủ là: “Bấy giờ, Bồ tát Di lạc nói với Tôn giả Tu-bồ-đề: Như Bồ tát mới phát tâm, nhớ nghĩ về những thiện căn của chư Phật và đệ tử của Phật, tùy hỉ về công đức tối thượng. Bạc nhất hết mực vì diệu không gì hơn, không gì có thể so sánh. Tùy hỉ rồi thì nên Hội hướng về đạo quả Bồ đề. Thế nào là Bồ tát không rơi vào chỗ điên đảo của Tướng, của Tâm, của sự nhận biết? Tôn giả Tu-bồ-đề nói: Nếu Bồ tát niệm về chư Phật cùng Tăng chúng, trong đó không sinh tưởng chấp về Phật, chẳng sinh tưởng chấp về Tăng, chẳng khởi tưởng chấp về Thiện căn, dùng Tâm ấy Hội hướng về đạo quả Bồ đề, trong Tâm cũng không dấy tưởng chấp về tâm; Bồ tát Hội hướng như thế thì Tướng không điên đảo, Tâm không điên đảo, nhận biết không điên đảo. Nếu Bồ tát niệm về thiện căn của chư Phật cùng Tăng mà chấp giữ lấy tướng rồi Hội hướng về đạo quả Bồ đề thì đó là Tướng điên đảo, tâm điên đảo, nhận thức điên đảo.”

Trí Luận giải thích: “Chỗ đáp lại của Tôn giả Tu-bồ-đề: Nếu Bồ tát ấy dùng Bát-nhã Ba-la-mật làm diệu lực của phương tiện thì có thể nơi chư Phật chẳng sinh tưởng chấp về Phật, cùng ở trong các thiện căn của đệ tử Phật, chẳng khởi tưởng chấp về thiện căn. Vì tất cả các pháp từ sự hòa hợp của duyên mà sinh, không có tự tánh nên không có Pháp thật gọi là Phật, nên chẳng sinh tưởng chấp về Phật v.v... Tâm Hội hướng ấy cũng không dấy tưởng chấp về Tâm. Do đó, Bồ tát chẳng rơi vào điên đảo...”

- Thứ hai: Nêu dẫn nơi phẩm Quang Minh Giác, có thể nhận biết.

- Thứ ba: “Như dựa theo kinh Đại Bát-nhã, Hội thứ hai”, chính là

tương đương với phần Biệt Hành là kinh đại Phẩm Bát-nhã. Văn từ có chỗ khác biệt nhỏ nhưng về ý nghĩa chính thì không khác. Nhưng chỗ nêu dẫn về kinh đại Phẩm Bát-nhã, phần cuối cùng nói: “Như Bồ tát Ma-ha-tát dùng tâm ấy niệm về chư Phật cùng các thiện căn của tăng thì lúc tâm niệm ấy, tức biết rõ pháp là hoàn toàn vắng lặng, nếu pháp đã hoàn toàn vắng lặng thì chẳng thể thủ đắc. Tâm Hồi hướng cũng là tướng hoàn toàn vắng lặng. Đối tượng được Hồi hướng là nơi chốn cùng pháp cũng là tướng như vậy.” Mà có người cho là hai kinh hoàn toàn khác nhau, nên phần Sơ giải đã “Tóm lược bỏ sung” để nêu dẫn, đều nhằm biện minh về Tánh không, tâm không có chấp giữ.

- Sơ từ câu: “Nhưng Tiểu thừa hoặc nói” tiếp xuống: Là phần thứ ba, giải thích về ba chỗ chẳng đồng. Lược nêu ba thuyết, Tiểu thừa có hai:

Một: Tức nơi Luận Phân Biệt, nói Tướng, Tâm Kiến (nhận thức) theo thứ lớp dấy khởi. Nghĩa là, đầu tiên phát khởi Tướng vi tế như Thường, Vô thường v.v.... Tiếp đến lại dấy khởi Tâm duyên với Tướng ở trước, giữ lấy cho là định thật. Sau là nhận thức (Kiến) thành tựu ở trong chỗ giữ lấy ấy, chấp là đã nhận thức rõ ràng. Đây tức là ba Tâm cùng là điên đảo. Nếu giải thích tên gọi thì Tướng là giữ lấy Tướng của cảnh sai khác. Kiến là suy tìm. Tâm là sự tích tập. Trong đó, Tướng v.v... Thể là điên đảo. Đề là “Trì Nghiệp thích”.

- Sơ câu: “Hoặc nói cùng một lúc, nghĩa phân ra trước sau”: Tức là quan điểm của Luận sư Pháp Cứu, cho Tâm, Tướng, Kiến cả ba đồng thời mà nghĩa phân ra. Chỉ có Kiến là điên đảo, còn Tâm, Tướng thì chẳng phải điên đảo, chỉ cùng với Kiến tương ứng, bị Kiến nhiễu loạn nên gọi là điên đảo. Do đó, Kiến chính là Trì Nghiệp, hai thứ kia là “Y chủ mà giải thích”.

Luận chữa của Luận Câu Xá chính là hỗ trợ cho nghĩa này. Tạng của Luận viết:

*“Tự Thể bốn điên đảo
Từ nơi ba kiến sinh
Chính đảo, suy xét, tăng
Tướng, Tâm theo lược Kiến”.*

Giải thích: Hai câu đầu là nêu ra Thể. Câu thứ ba là phế lập. Câu thứ tư là thông tỏ nơi Kinh.

Thứ nhất là Nêu ra Thể: Nghĩa là trong Biên kiến chỉ chọn lấy Thường kiến dùng làm “Điên đảo về Thường”. Trong Kiến Thủ chỉ chọn lấy chấp Lạc, Tịnh làm “Điên đảo về Lạc, Tịnh”. Trong Thân

Kiến chỉ chọng lấy Ngã kiến dùng làm “Điên đảo về Ngã”.

- Câu: “Chính đảo suy xét tăng”: Là phước bỏ, lập ra. Ở đây nêu lên ba Nhân dùng để lập bốn đảo:

Một là, Nhất hương đảo, nên gọi: “Chính là đảo”.

Hai là, Tánh suy lường.

Ba là, vọng tăng trưởng.

Phần còn lại hoặc không có ba nhân này, tức như Giới cấm thủ chẳng phải là “Nhất hương đảo” vì chấp đạo Hữu lậu cho là đạt được Niết-bàn thanh tịnh. Hoặc tuy chẳng phải rốt ráo đoạn Hoặc chứng Diệt, nhưng có thể tạm thời, lìa nhiễm chứng Diệt, duyên với đó cho là Tịnh. Đoạn kiến, Tà kiến không phải là vọng tăng trưởng vì không có đối tượng chuyển. Tham sân v.v... không thể suy lường vì không phải tánh chất của Kiếp (nhận thức). Thế nên, các Hoặc không phải là điên đảo.

- Câu: “Tưởng, Tâm theo lực Kiến”: Tức là thông tỏ nơi Kinh. Nghĩa là có vấn nạn: “Nếu chỉ Kiến là điên đảo thì cơ sao trong kinh nói: “Ở nơi vô thường chấp là Thường, có Tưởng, Tâm, Kiến ba thứ điên đảo. Ở nơi khổ, bất tịnh, vô ngã, cũng có Tưởng, Tâm, Kiến, ba thứ điên đảo ? Đáp: Thật Lý thì chỉ Kiến là điên đảo. Tưởng, Tâm theo Kiến nên cũng gọi tên điên đảo, vì cùng với Kiến tương ứng. Hành tướng giống với Thường Lạc Ngã Tịnh. Ba lần bốn là mười hai nên ở đây là mười hai điên đảo.

Dựa theo Luận sư của Tỳ Bà Sa thì quả Dự Lưu vĩnh viễn đoạn trừ Kiến cùng chỗ tương ứng, nên gọi là Kiến sở đoạn. Phần còn lại như chỗ Luận ấy đã bàn. Dựa vào đây để giải thích tên gọi về Tưởng, Kiến, Tâm thì cũng giống nơi Luận Phân biệt đã nêu ở trước.

- Sở từ câu: “Nếu dựa theo Đại thừa” tiếp xuống: Là nói đến quan điểm của Đại thừa về vấn đề trên. tuy nêu lên nhiều thuyết, song chỉ đề xuất một ý chung cả hai Tông Tánh, Tưởng, ở nơi vẫn có thể nhận biết. Lại có chỗ giải thích: “Nếu phân biệt kỹ về Tưởng, Tâm, hai thứ đảo có thể chung cho bảy Thức. Kiến là chấp trước, hạn cuộc nơi sáu Thức. Tức ý sau của Tam Tạng. bảy Thức đã có trong bốn Hoặc, có Ngã kiến há không có kiến sao?

- Sở câu: “Các Tông với những thuyết khác nhau”: Ở đây không muốn nêu dẫn văn quá nhiều. Nhưng trên đã có nghĩa của ba Tông, trong đó Tát Bà đa bộ lại có một cách giải thích. Tưởng nghĩa là vọng tưởng phân biệt ở trong Vô thường, khổ, bất tịnh. Kiến tức ở trong chỗ phân biệt kia nhận chịu sự ưa muốn để tạo lập chấp trước. Tâm tức ở trong chỗ chấp trước ấy đã dấy khởi những điên đảo nơi tham v.v... đều

tức là Tâm sở gọi là Tâm mà chẳng phải là Tâm vương. Đã cho “Vương” là “Sở” nên chẳng thuận với văn hiện nay, do đó chẳng nêu ra.

Trong Đại thừa lại có ba Thuyết:

Một là dựa nơi Luận Khởi Tín, nói trong ba thứ điên đảo, thì tâm chỉ là một vọng niệm, cũng gọi là Bất giác, cũng có tên là “Vô minh từ vô thủy”. Mà Vô minh ấy hoàn toàn dựa nơi Bản giác trở lại mê chấp nơi Bản giác. Từ vô thủy đến nay niệm niệm cùng nối tiếp, chưa từng lìa niệm, tức là tất cả hình tướng của Tâm, Thức. Nhưng dựa nơi “Bất giác” lại sinh ba thứ: Thứ nhất là “Vô minh nghiệp tướng đẳng”, tức dùng ba nghiệp vị tế chuyển hiện làm ba, như thứ tự là ba thứ điên đảo Tâm, Kiến, Tưởng. Nay Bồ tát tuy chưa giác ngộ một cách rốt ráo, nhưng đã lìa bỏ chỗ “Bất giác” của hàng phàm phu. Hàng Nhị Thừa mới phát tâm thì tương tự nơi Giác, nên cũng gọi là “Lìa”.

Giải thích: Dùng ba vị tế nơi các đức thì nghi chính đều ở nơi A-lại-da. Đạt đến hết Bồ tát địa thì Thủy giác đồng với Bản giác mới được vĩnh viễn lìa. Do đây mà cho là ba điên đảo, chẳng phải là thuận với văn hiện nay nên phần Sở giải không nêu ra.

Hai là, lại dựa nơi Thiên tông, truyền từ Tổ sư Đạt Ma, giống với ý của kinh Lăng Già, cho năm Thức gắn bó với Tưởng, nên gọi chung là Tưởng điên đảo. Thức thứ bảy gồm cả nhiễm tịnh, nên gọi riêng là Tâm điên đảo. Thức thứ sáu là ý thức dấy khởi các kiến điên đảo.

Giải thích: Chẳng thuận với Pháp tướng nên chẳng nêu ra.

Ba là, Dựa nơi Đường Tam Tạng truyện, Từ Thị Luận, cho Hiện lượng của năm Thức toàn bộ là không điên đảo, cũng như gương sáng hiện ra các thứ sắc tướng. Cho nên thức thứ bảy là nhiễm, có Tưởng, Tâm điên đảo. Thức thứ sáu là ý thức thì gồm đủ ba thứ điên đảo, chấp giữ tướng của ngã, pháp gọi là Tưởng điên đảo. Đối với Tưởng lại yêu thích, nên lại gọi Tâm điên đảo. Ở nơi Tưởng tạo lập sự chấp trước, nên gọi là Kiến điên đảo.

Các kiến giải thuộc Tiểu thừa, Đại thừa nêu trên đại thể là giống nhau, chỉ có khác biệt nhỏ, nên chẳng bỏ đi hay giữ lại. E có người muốn biết rõ sự thực nên lại dẫn ra. Trong phần đầu giải thích văn Kinh thì chung cho các thuyết, phần nhiều đều giống với ý của đường Tam Tạng.

- Sở từ câu: “Phần bốn có bốn câu, hiển bày về Như Như” tiếp xuống: Trước Kết là làm rõ ý chính.

Do các Tông hoặc nói:

Một: Vọng không chân có.

Hai: Chân không vọng có.

Ba: Chân, Vọng cùng có.

Bốn: Chân, Vọng cùng không.

Ở đây gồm đủ bốn ý.

- Trước là nêu rõ về tên gọi, hình tướng. Vọng tướng đều không tức là Vọng không. Đây là hiển bày Lý Như như, có tức là Chân có.

Nhưng Số giải nói “Tất cả đều không” thì Niết-bàn, Bồ đề cũng không, chấp có là Vọng tình.

Lại nói, “Hết thấy là diệu hữu”: Tức chúng sinh, thiện căn cũng đều là diệu hữu, vì muôn pháp tức Chân.

- Tiếp theo, nói: “Tức Không của phần trước là Thật của ở đây”: Trên biện minh Không ở trước thì ở đây là Có. Nay thì Không của trước là Thật của ở đây. “Tức Không tức có” thì Không chẳng phải là Không. “Tức có tức Không” thì có chẳng phải là có. Do vậy, nên Vọng không Chân có tức là Vọng có Chân không. Vì sao? Là vì pháp của Hư vọng, do duyên sinh Vô tánh nên gọi là Vọng không. Chân tánh như nhiên, nên gọi là Chân có. Nay thì pháp vọng nêu trên là duyên sinh nên gọi là Vọng có. Tánh gọi là Chân đế nên nói Chân không. Vô tánh ấy Thế là Không, tức là Thật, nên Vô tánh có. Do đó, ngôn ngữ thì riêng mà Lý không hai nẻo.

- Từ câu: “đó tức vọng chấp giữ Hội hương” tiếp xuống: Là tóm kết xác nhận về nghĩa gốc. Đây tức là ý: “Vọng không Chân có”. Nhưng chỉ dùng dứt trừ bệnh mà chẳng dứt trừ pháp. Ở nơi Tướng thấy rõ mà không chấp giữ.

- Số câu: “Như ở đây thì gốc đức vốn chẳng sinh v.v...”: Đây là Chân có, vốn có như nhiên nên chẳng sinh. Vọng Hoặc vốn Không, vì Không nên chẳng thể diệt. Lại, mọi hệ lụy của Hoặc đã vắng lặng nên chẳng sinh. Xoay ngược “Hoặc chẳng diệt” ở trên là chẳng sinh. Chân đức như nhiên nên chẳng diệt. Lật ngược “Chân chẳng sinh” ở trên là chẳng diệt. Hoặc nêu trước là không nên chẳng thể diệt. Nay Không tức vắng lặng nên chẳng sinh. Trước, do Chân không có khởi đầu nên chẳng sinh. Nay, do Chân không có sau cùng nên chẳng diệt.

- Số câu: “Lại nữa, trước nêu rõ về Tùy tướng”: Trên là nhận xét việc lãnh hội về Bồ đề hội nhập nẻo Thật, tức là nghĩa trong chỗ “Ly tướng”. Nay do có một số sai biệt nhỏ nên phân ra, tức có thể phân làm ba:

- **Thứ nhất là:** Tùy tướng Hội hương.

Thứ hai, do Hội trước, chúng sinh đi vào nẻo Thật là Ly tướng.

Thứ ba, do văn hiện nay, thì Tỳ tướng, Ly tướng là cùng lúc.

- Sở câu: “Mà nói hai, Thiện căn Hồi hướng v.v...”: Đây có bốn lượt, mỗi lượt gồm hai phần, đều là nối tiếp văn ở trước:

Một: Thiện căn Hồi hướng là một. Hai tức nói Hướng về Thiện căn cũng thế, Hồi hướng cũng như vậy, do thu gồm chung hai phần trước.

Hai: Thế cùng xuất thế là một. Hai là Kinh hiện nay cho thiện căn tùy thuận xuất thế. Tức chủ thể tùy thuận là Thế gian.

Ba: Hoặc có hoặc không là một. Hai tức là Vọng không Chân có nêu trước.

Bốn: Hoặc tức hoặc lia là một. Hai là đoạn này có hai: Một là Tỳ tướng là Tức, Ly tướng là Lia. Hai là, Tỳ tướng, Ly tướng chẳng đồng là Lia. Hai cái ấy không hai, là Tức. Bốn thứ này, mỗi thứ có hai, nay đều là không có. Tại sao không có thì phần tiếp sau sẽ giải thích rõ.

- Sở câu: “Cũng giống với Kinh Tịnh Danh: Bồ thí, Hồi hướng”: Tức ở chương Bồ tát Vô Tận Ý (Phẩm Nhập vào pháp môn Bất nhị); Là nói về Tánh của Hồi hướng Nhất Thiết Trí. Phần tiếp sau, Kinh nói: “Như thế là Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí Tuệ, cùng với Hồi hướng Nhất Thiết Trí là hai. Tánh của Trí tuệ tức là hồi hướng về tánh của Nhất thiết trí, trong đó hội nhập làm một Tướng, đó là nhập vào pháp môn Bất nhị.”

Giải thích: Chỉ nhận biết về độ thứ nhất (Bồ thí) thì các độ còn lại theo đây có thể nhận biết, nên chẳng nêu dẫn rộng.

- Sở câu: “Đây là Bất nhị”: Tức là tóm kết văn nơi kinh kia để giải thích Kinh hiện nay. Nghĩa là, do Kinh hiện nay nói “Chẳng lia” thì nơi kinh kia là “Nhất tánh”, nên là “Bất nhị”. Do Kinh hiện nay nói “Chẳng tức” là trở lại loại bỏ Bất nhị, thì như kinh kia, Văn Thù nói “Lìa mọi hỏi đáp” cho đến “Là bất nhị đích thực”.

- Sở câu: “Văn có sự bổ sung tóm lược”: Cũng kết hợp nói Nghiệp chẳng phải là Nhất Thiết Trí, nhưng chẳng lia Nhất thiết Trí mà có riêng Nghiệp. Cho nên nói rằng: Lý hợp với nhân quả thì đều có nghĩa “Chẳng phải tức,” “Chẳng phải lia”.

- Sở câu: “Phần còn lại đều lược bỏ, chẳng nên Tụng”: Tức chẳng nêu Tụng phần “Thọ nhận khổ não để cứu giúp”....

Hồi hướng thứ hai: Hồi hướng chẳng hoại.

- Sở câu: “Cho nên Kinh Bản Nghiệp viết”: Là làm rõ chỗ chung cả Lý, Sự chỉ có Danh và Dụng.

Câu: “Niệm niệm chẳng trụ nên gọi là chẳng hoại”: Là riêng

dùng nghĩa “Chẳng trụ”. Tức là “Sát na vô thường”. hợp với là nghĩa Hoại. Do “không có gì là trụ cả” nên gọi là chẳng trụ. Chính là nghĩa chẳng hoại về Lý. Dựa nơi phần sau nói về “các vật dụng cúng dường” thì đều chung cho Sự Sự Vô ngại.

- Sở câu: “Chẳng ra ngoài bốn sự tin Tam Bảo”: Bốn sự tin tức ngoài Tam Bảo còn thêm một. Nhưng hai vẫn chẳng giống nhau:

Một: Như Luận Khởi Tín tức là Chân Như. Luận ấy, nơi phần nói về tu hành tín Tâm, viết: Lược nói Tín có bốn thứ: +Một là Tin căn bản, nghĩa là ưa thích niệm pháp Chân như. Hai là Tin Phật có vô lượng công đức, thường ưa gần gũi cúng dường, cung kính để phát khởi thiện căn, mong cầu Nhất Thiết trí. Ba là Tin Pháp có lợi ích lớn lao, luôn nhớ nghĩ tu tập các pháp Ba-la-mật. Bốn là Tin Tăng có khả năng tu tập chân chính, đạt được tự lợi, lợi tha, thường thích gần gũi các chúng Bồ tát, cầu học các Hạnh như thật”. Cho nên phần Sở giải tiếp sau viết: “Trong đó, tin pháp theo Lý Chân như”.

Hai: Nếu dựa theo Kinh Anh Lạc, quyển Hạ, thì bốn thứ tin chẳng hoại gồm: Ba tin trước là tin Tam Bảo, một tin sau là tin Chính giới (Giới pháp chân chính). Kinh viết: “Từ nay cho đến tận cùng đời vị lai, xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Hiền Thánh Tăng, quy y Giới pháp”. Nêu bày như thế, nên phần Sở giải viết: “Hai là dứt ác hành thiện thì Hành cũng thấu tóm nơi ý của Giới”. Giữ giới là Tín thứ tư. Cho nên bốn tín đã chẳng xác định thì mười tín đâu thể là sai ?

- Sở câu: “Trong phần trước tức cùng hưởng tới chúng sinh, Bồ đề”: Do phần đầu nói: “Hồi hướng Nhất Thiết Trí” nên là Bồ đề. Thứ đến, phần sau nói “Giáo hóa, điều phục tất cả chúng sinh” tức là hưởng tới chúng sinh. Cho nên phần Sở tiếp sau viết: “Ý tức là của Hồi hướng về chúng sinh”.

- Sở câu: “Chẳng những không ngăn ngại Tùy tướng mà còn có thể tạo thành Tùy tướng ấy”:

“Chẳng ngăn ngại”: Như Hư không chẳng ngăn ngại muôn hình tượng.

“Có thể tạo thành”: Như không có nước thì không thể có sóng.

Cũng như không có Hư không thì chẳng thể phát sinh mây, sáng, khói, sương mù.

“Chẳng ngăn ngại” tức là “Môn Tương biến”. “Có thể tạo thành” là “Môn Tương thành”. Tức Lý thành Sự, do có nghĩa “không”, nên tất cả các pháp được thành tựu.

- Sở từ câu: “Một là, do tương ứng với Pháp tánh ở trước, nên tùy

thuận sinh tử mà chẳng biến đổi” tiếp xuống: Là chính thức biện giải về Ly tướng thành Tùy tướng. Câu này, do cùng tương ứng với Pháp tánh nên là Ly tướng. Pháp tánh tức là Chân như. Chân như tùy duyên nên có thể thành Sự. Chẳng mất, chẳng biến nên chẳng đổi.

Chín câu sau cũng giống như thế. Suy xét kỹ về mười câu trước, mỗi mỗi cùng đối nhau có thể nhận biết.

- Số câu: “Do trước Sự chẳng ngăn ngại Lý nên tiếp xúc với Cảnh đã thấu tỏ về như”: Mười câu của phần trước là Ly tướng thành Tùy tướng”: Do Lý không ngăn ngại Sự. Nay thì thành Ly tướng là do trước Sự chẳng ngăn ngại Lý. Một là giải thích chung về ý.

Hai: Từ câu: “Trong đó, một câu đầu” tiếp xuống: Là nhận xét tổng quát.

Ba: Từ câu: “Cũng như thứ tự phối kết với trước” tiếp xuống: Là từ phần đầu giải thích riêng, phối hợp với trước cùng với các Pháp tánh tương ứng, Hồi hướng hội nhập nơi pháp vô tác, thành tựu chỗ tạo tác là mười câu v.v... Hồi hướng. Nhưng “Tùy tướng hành” ở trước xác nhận nêu rõ nơi phần Hồi hướng trước: Ly tướng là chủ thể tạo thành; Tùy tướng là đối tượng được tạo thành.

- Nên phần trước nêu: “Do trước tương ứng với Pháp tánh, nên tùy thuận theo dòng sinh tử mà chẳng biến đổi”. Nay ở đây thì nêu rõ, ở trước Tùy tướng chẳng ngăn ngại, nên tạo thành ở đây là Ly tướng. Nếu Sự ngăn ngại Lý thì chẳng còn tính chất Tức, Lìa. Nối tiếp gần là Sự ở trước. Nối tiếp xa là Ly tướng ở trước. Nghĩa là do phần Hồi hướng ở trước cùng tương ứng với Pháp tánh, nên nay xác định là Hành của việc thấu rõ tâm tánh.

Hai là do trước hội nhập nơi pháp Vô tác, thành tựu đối tượng được tạo tác, nên tạo thành ở đây là biết rõ Nghiệp như huyền ảo v.v.

Ba là, do trước đã lìa bỏ hết thủy tướng chấp về các Sự, nên tạo thành ở đây là làm phát sinh pháp nhân thanh tịnh không vướng mắc.

Bốn là, do trụ nơi vô lượng thiện xảo, nên tạo thành ở đây là gồm đủ Hạnh Bồ tát.

Năm là, do trước vĩnh viễn ra khỏi hết thủy các Hữu lậu, nên tạo thành ở đây là đối với tất cả các tướng đều không chấp trước.

Sáu là, do trước tu tập các Hành chẳng trụ chấp nơi Tướng, nên thành tựu ở đây là khéo có thể tu tập các nghiệp đồng sự.

Bảy là, do trước thấu tóm khắp tất cả thiện căn, nên thành tựu ở đây là đối với pháp thiện, thanh tịnh thường không phế bỏ.

Tám là, do trước làm thanh tịnh khắp thủy các Hành của bồ tát

rộng lớn để Hồi hương, nên thành tựu ở đây là lia bỏ tất cả sự tham chấp.

Chín là, do trước phát tâm Bồ đề vô thượng, nên tạo thành ở đây là lia bỏ mọi tham đắm, vướng mắc. Câu này khó lãnh hội, nên phần Số giải viết: “Thấu rõ Tánh Bồ đề là không có hai, chỉ một nẻo thật duy nhất”.

Mười là, do trước cùng với tất cả thiện căn đồng an trụ, nên trụ nơi Hành không chấp trước.

Mười một, do sự tin hiểu v.v... Về chỗ tối thượng, tức câu mười một ở trước. Ở đây, đối chiếu với trước, vẫn có phần ít không theo thứ lớp. Nhưng pháp thiện, thanh tịnh thì đã hai lượt sử dụng, tức nơi câu thứ bảy đã nêu.

Hồi hương thứ ba: Hồi hương cùng với tất cả chư Phật.

- Số câu: “Gồm luôn việc hiển bày tính chất không gián đoạn”: Ở trên là dẫn Kinh Bản Nghiệp, chính là làm rõ chỗ cùng với Thiện căn. Do nói “Trong tất cả các thời đều hành” nên gọi là không gián đoạn.

- Từ câu: “Ở đây, từ chỗ cùng lập danh” tiếp xuống: Là tóm kết phần “được mang tên”.

- Từ câu: “Do hội nhập sâu xa nơi Pháp tánh” tiếp xuống: Là nêu ra Thể Tánh.

- Số từ câu: “Nhưng đức của Phật đã viên mãn” tiếp xuống: Là hiển bày ý của văn, cũng là thông tỏ chỗ vấn nạn.

- Trước là nêu ra vấn nạn.

- Từ câu: “Tôn trọng, mang ân” tiếp xuống: Là giải thích.

- Câu: “Cũng như dâng lên rau Cầm”: Tức sự việc nơi sách ngoài. Ông già nơi quê mùa khen ngợi mà dâng lên Vua, Vua há chẳng khen ngợi ?

- Số câu: “Hai tức là Thiên trụ v.v...”: Trí Luận viết: “Thiên trụ, đó là bốn Thiền, Thánh trụ nghĩa là ba Giải thoát. Phạm trụ tức là bốn Vô lượng tâm, đều chung cho ba Thừa.” Nay đều căn cứ nơi quả vị của Nhất thừa nên đều là Vô lượng.

- Số câu: “Năm là chủng loại cùng sinh”: Tức loại thứ ba trong ba thứ Ý sinh Thân. Từ thập Địa đến đạt được quả vị Phật cùng tăng trưởng hơn hẳn, mà chẳng phải là Thân sinh tử, chỉ chọn lấy Ý thân biến hóa.

Nghĩa của ba thứ Ý sinh thân đến phần Hồi hương thứ sáu sẽ biện giải.

- Câu: “Tám tư tại nơi Ngã”: Tức nơi kinh đại Bát Niết-bàn quyển thứ hai mươi ba. Kinh viết:

“Một là có thể thị hiện một thân hành ra nhiều Thân v.v...

Hai là thị hiện một thân vi trần đầy khắp cõi Tam Thiên đại thiên thế giới.

Ba là có thể đem thân đầy khắp cõi Tam thiên đại thiên thế giới này phi hành nhẹ nhàng nơi Hư không trải quả hai mươi hằng hà sa số thế giới của chư Phật mà không bị chướng ngại.

Bốn là, do tâm tự tại mà thông đạt được tự tại. Thế nào là tự tại? Như Lai với nhất tâm an trụ chẳng động, thân có thể thị hiện, biến hóa vô lượng loại hình tướng v.v...

Năm là, Căn tự tại, một căn có thể thấy sắc, nghe âm thanh v.v

Sáu là, do tự tại nên đạt được tất cả các pháp nghĩa là không có gì đạt được mà đạt được.

Bảy là diễn thuyết tự tại. Như Lai diễn giảng nghĩa của một bài kệ trải qua vô lượng kiếp.

Tám là Như Lai biến hiệp khắp tất cả mọi chốn, cũng như Hư không. Tánh của Hư không chẳng thể thấy được...”

Giải thích rộng như nơi đoạn kinh ấy. Đều biện minh không thủ đắc, không tạo tác mà có chỗ thành tựu, nên gọi là Tự tại. Nay chỉ lược nêu ra.

Câu: “Mười hai Hành vĩnh viễn dứt hẳn”: Tức trong hai mươi mốt thứ công đức nêu trên, đây là loại thứ nhất, như đã biện giải ở trước.

- Số câu: “Ba là theo thứ tự mà viên mãn”: Nghĩa này bao quát cả các câu sau, tức nghĩa thứ lớp viên mãn.

Câu đầu là Tín viên mãn. Hai là mười Trụ viên mãn. Tấn kinh viết: “Trực Tâm chưa thanh tịnh” chứng tỏ câu này là nghĩa mười Trụ. Trực Tâm nơi mười Trụ tăng trưởng. Cho nên gọi là: “Tâm chưa thanh tịnh, khiến đạt được thanh tịnh”.

- Số câu: “đều như thứ tự phối hợp”: Như nói “chẳng lìa thấy Phật” tức do trước niệm Phật viên mãn mà thành. “Làm thanh tịnh các thần thông” tức là luôn thấy chỗ tăng ích của Phật. Do câu này dường như có ẩn ý nên phần Số đã giải thích: “Niệm Phật Tam muội có thể phát khởi thần thông”.

Câu: “Ở nơi pháp Phật dễ thay đổi”: Tức nơi kinh Tịnh Danh, quyển thứ hai: “Phàm phu ở nơi pháp Phật có sự thay đổi, nhưng Thanh văn thì không, do Thanh văn đã đoạn trừ kiết sử”.

Phần tiếp sau viết: “Cuối cùng là xoay chuyển tâm, là phân biệt khác với Định tánh”. Đoạn sau sẽ nêu dẫn rộng.

- Số câu: “Cũng là chúng sinh mê chấp ngu tối nơi quả báo”: Đối

chiếu với trước là mê chấp, ngu tối nơi Thắng nghĩa. Cũng như trước đã giải thích.

- Sở câu: “Tuy nhiên bậc cổ đức cho là tóm kết phần trên”:

Đại sư Hiền Thủ nói: “Tóm kết ba điều trên là tán dương về Tướng”.

Đại sư Quang Thống viết: “Đây là tóm kết về nghĩa của ba đạo cứu cánh nêu trên. “Hành, đẳng Hành” là tóm kết ưa thích thành tựu thực hành chứng đạo cùng với Phật.

“Tích tụ, đẳng Tích tụ” là tóm kết thành tựu thực hành trung đạo cùng với Bồ tát hành”. “Trưởng dưỡng, đẳng Trưởng dưỡng” là tóm kết “Chẳng trụ” cùng với chúng sinh.

Đại sư Tuệ Viễn nêu: “Làm rõ Tâm kết hợp với Lý gọi là Hành. Một gồm đủ tất cả gọi là “Đẳng Hành”. Hỗ trợ cho đạo dần dần viên mãn gọi là “Tích tụ”. Trong mỗi mỗi Hành đều có đủ hết thấy các Hành gọi là “Đẳng Tích tụ”. Chẳng trụ mà dần tăng trưởng gọi là “Trưởng dưỡng”. Trong mỗi mỗi môn đều thấu tóm tất cả gọi là “đẳng Trưởng dưỡng”.

Pháp sư Quĩ viết: “Chỉ dấy khởi một Hành gọi là “Hành”. Gồm chung nhiều thứ Hành gọi là “Tích tụ”. Tăng tiến hơn trước gọi là “Trưởng dưỡng”. Cũng chỉ là những tên gọi khác của Hành ở trước mà thôi. Hạnh mà Bồ tát đã thực hành vốn là vô lượng không thể nêu ra đủ, nên nói chung đó là “Đẳng”.

Pháp sư Chánh nói: “Thiện căn đẳng (v.v...) tức là thiện của Bồ thí v.v... Dùng đại nguyện lớn thấu tóm, giữ lấy” vì Nguyện lớn nên Hành lớn. Hành là tạo hai lợi. “Đẳng thực hành” là cùng hành tất cả hạnh. “Tích tụ” là tích chứa Hành thành đức. “Đẳng Tích tụ” là thành tựu tất cả các đức. “Trưởng dưỡng” là từ Hành sinh Hành. “Đẳng trưởng dưỡng” là sinh khởi hết thấy các Hành.”

Pháp sư Biện nêu: “Hành là Phật ở nơi vị Nguyện lạc. Chỗ Hành của Bồ tát do đại nguyện, thấu tóm cùng với Hành kia nên gọi là “đẳng Hành”. “Tích tụ” là Phật nơi vị công dụng tu tập, tích tụ. Bồ tát cùng tu tập gọi là “đẳng Tích tụ”. “Trưởng dưỡng” là Phật nơi vị không dụng công tu tập. Bồ tát cùng tu gọi là “đẳng Trưởng dưỡng”.

Do đó, ở trên viết: “Như Phật Hồi hương, mở bày, giáo hóa tất cả. Bồ tát Hồi hương cũng lại như thế.” Tức là nghĩa này.

Đại sư Hiền Thủ viết: “Nay lại giải thích: Bồ tát với thiện căn hiện có, đều dùng diệu lực của đại nguyện Hồi hương, khiến thiện căn ấy thấu nhiếp thành Hành thủ thắng. Các Hành bằng với Hành thủ

thắng ấy nên gọi là “Đẳng Hành”. Lại nhờ nguyện lực thâm tóm các Hành do thiện căn này đã tạo thành khiến không thất tán, nên gọi là “Tích Tụ.” Có Hành những Tích tụ này, do đó gọi là “Đẳng Tích tụ”. Lại nhờ nguyện lực thâm tóm các hành do thiện căn tích chứa nên lại sinh các Hành, gọi là “Trưởng dưỡng”. Trong mỗi mỗi Hành sinh khởi tất cả các Hành, gọi là “đẳng trưởng dưỡng”. Vì thế đều là nhờ nguyện lực, khiến cho các thiện căn ấy thủy đều rộng lớn, đầy đủ, sung mãn”. Ngài Tĩnh Pháp nói: Giải thích về nghĩa của hành và Tích tụ, Tăng trưởng thì không sai, mà dùng chữ đẳng nghĩa mạnh hơn chữ Chính. Nghĩa là dùng nghĩa “Đẳng Phật” (như Phật) thì không thấy được ý của chữ Chính. Hóa ra cũng giống như cổ nhân cho phần này là kết phần trước. Cho nên giải thích như đây đều không thỏa đáng. Vì thế Sở giải có câu: Tuy xuyên tạc nhiều cách nhưng đều chưa xem đến văn tiếp theo. Vì nghĩa Tích tụ Tăng trưởng phần văn dưới đều có định nghĩa.

- Sở câu: “Nếu cho Đẳng là bình đẳng gần với nghĩa chữ “Chính” thì cũng không thâm tóm nghĩa hết: Tức chỉ đạt được ý của Hồi hướng về Thật tế. Hướng tới hai chốn còn lại cùng với việc lia mọi lỗi lầm đều chẳng gồm đủ.

- Sở câu: “đoạn trước cũng là tâm đại bi tùy thuận”: Trong ấy chung có ba ý:

Một: Căn cứ nơi đối tượng được xoay về là Thiện căn. Tức như hướng tới phần thứ hai của đoạn sau ấy là chủ thể xoay về, tức bi nguyện.

Hai: Từ câu: “Như căn cứ vào Hồi hướng” tiếp xuống: Là dựa theo đối tượng được Hồi hướng.

Nói: “Là sự đan xen”: Chính là Hồi hướng đan xen, tức như Hướng về Phật cũng hướng về chúng sinh. Cho nên gọi là: “Cùng một lúc Hồi hướng ba chốn”.

Ba: Gồm việc nêu rõ tính chất tùy thuận của đại bi ở trên, cùng tính chất sâu nặng của đại bi. Cũng là sự đan xen. Đan xen cũng là tóm lược-bổ sung.

- Sở câu: “Một là lia bỏ các Hoặc”: Tức là vĩnh viễn lia bỏ các thứ kiêu mạn, phóng dật. Phóng dật là gốc của các Hoặc. Kiêu là chỗ dựa của các pháp nhiễm. Mạn thì có thể khiến mãi bị chìm đắm trong sinh tử. Cho nên lia bỏ ba thứ ấy thì các Hoặc đều lia. Phần còn lại có thể theo đây mà xét.

- Sở câu: “Thứ nhất là hiển bày tổng quát về chỗ sâu rộng”: Tức là biển khổ. Các phần khác có thể nhận biết.

Câu: “Gốc tức là tham dục”: Kinh Pháp Hoa, quyển hai, có câu:

*“Nhân của các khổ
Tham dục là gốc”.*

- Số câu: “Hết thầy pháp không đến, do đó không có sinh”: Nửa kệ trên đây là dùng “không đến” để giải thích “không sinh”. Nhưng nói “đẳng” là chỉ cho nửa sau của kệ:

*“Do sinh đã không có
Nên diệt cũng là không”.*

Đây là dùng “Không sinh” để giải thích “Không diệt”.

Chẳng diệt nên không có chân thật. Có thật tức có thể diệt, không thật nên không nhiễm. Ví như mây, sương mù chẳng thể làm nhiễm Hư không. Cho nên viết là “Năm câu lần lượt cùng giải thích”.

- Số câu: “Sao gọi là Vô tướng? Tức Thế lia mười Tướng”: Là nơi Kinh Đại Bát Niết-bàn quyển thứ ba mươi một. Kinh viết: “Đại Bát Niết-bàn gọi là Vô tướng”. Bồ tát Sư Tử Hống hỏi: Sao gọi là Vô tướng? Thiệt nam! Vô tướng là không có mười Tướng. Những gì là mười? đó là Tướng của Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Sinh, Trụ, Hoại, Nam, Nữ. Không có các tướng như thế gọi là Vô tướng.

- Số từ câu: “Lại, Vô tướng là căn cứ nơi Lý” tiếp xuống: bốn nghĩa trên là lần lượt cùng thay nhau nhằm biện minh về một Thể. Từ đây trở xuống là chia Chủ thể-đối tượng để làm rõ về Vô tướng, Ly tướng. Chủ thể-đối tượng khế hợp chính là nhất tướng. Tức Thật tế là chung, ba nghĩa sau là biện minh riêng.

- Số từ câu: “Lại như Phẩm, Ly Thế gian”: Là nói về mười thứ “Phật nghiệp” của Bồ tát. Tức nơi Kinh Hoa Nghiêm quyển thứ năm mươi tám. Kinh viết: “Đó là tùy thời mà mở bày, dẫn dắt, là Phật nghiệp, tức khiến cho người chính thức. Trong mộng khiến được thấy là Phật nghiệp, tức khiến giác ngộ cho người co thiện căn từ trước. Vì mọi người, diển nói kinh mà họ chưa được nghe là Phật nghiệp, tức khiến phát sinh trí tuệ đoạn trừ nghi hoặc...” (Vì e nêu dẫn quá nhiều nên chỉ nói ba thứ.)

Hồi hướng thứ tư: Hồi hướng đến tất cả nơi chốn.

- Số Câu: “đến là chủ thể đến”...văn nơi phần Số giải gồm hai:

Một: Giải thích tên gọi.

Hai: Từ câu: “Như cần nêu bày rõ”: Là nêu ra Thể.

Trong phần một có bốn chi tiết:

Một là, Nêu lên chủ thể đến, đối tượng được đến.

Hai là, Từ câu: “Tức là do đại nguyện” tiếp xuống: Là chỉ rõ

chung về tướng, vẫn có ba đoạn gồm hai lớp Chủ thể-đối tượng:

Thứ nhất: Đại nguyện là Chủ thể sinh.

Thứ hai: Thiện căn v.v... là đối tượng được sinh.

Cả hai lớp trên đều là “chủ thể đến”.

Thứ ba: Tất cả nơi chốn là đối tượng được đến.

Ba là, Từ câu: “Kinh Bản Nghiệp viết” tiếp xuống: :Là dẫn chứng.

Bốn là, Từ câu: “Nhưng dựa theo văn đoạn sau” tiếp xuống: Là biện minh chung về “Chủ thể đến” có mười thứ. bốn thứ trước lần lượt dùng làm Chủ thể sinh. Từ loại thứ năm trở đi là cùng dựa vào bốn thứ trên nên sáu thứ này Y thấy đều là “Chủ thể đến”.

Thứ năm sáu là căn cứ nơi “Sự đến”.

Bảy là căn cứ nơi Lý.

Tám là căn cứ theo Sự Lý không ngăn ngại.

Chín là Sự Sự vô ngại.

- Trên là đều căn cứ theo Pháp.

Mười là căn cứ theo Thời.

- Số câu: “Hoặc cùng cao cùng thấp”: Tóm lược thành bốn câu:

- Phật hóa làm Phật thì Bản, Tích cùng cao.

- Bồ tát hóa làm Bồ tát thì Bản, Tích cùng thấp.

Dựa theo Bồ tát, dùng quả vị để cùng đối chiếu thì cũng có cao, thấp. Phần này có thể nhận biết.

- Số câu: “Trên cũng là nhân tố chính cần phải Hành (cung hành)”:

Tức là giải thích lý do phải của phương tiện hóa độ nêu trên. Do từ diệu lực của Như Lai Tạng, nên khiến việc cần phải hành đến tất cả chốn là nhân tố chính.

- Số câu: “Ba Thân, mười Thân đều dung hợp”: Là nêu ra lý do của sự ứng hiện cũng là nghĩa thường. Nếu nói theo Pháp tướng, thì sự ứng hiện tuy gọi là Thường, nhưng là Thường của chẳng đoạn. Nay, nói theo Tông Pháp tánh thì đồng là một Thường. Nếu nói riêng thì Pháp thân là vô thủy vô chung. Báo thân thì hữu thủy, vô chung. Hóa thân thì hữu thủy, hữu chung.

Nay thì Hóa thân tức là Pháp thân nên là vô thủy, chung. Hướng chi Báo Thân đồng với Pháp thân nên cũng là không có khởi đầu.

Mười Thân dung hợp thì nghĩa rõ ràng, có thể nhận biết.

- Số câu: “Hương thơm v.v... lìa Lộng v.v... thì lại không có Thể riêng”: Tức như dùng Hương thơm v.v... làm hai mươi sự. (Lộng thơm, Cờ thơm, Phướng thơm...) chỉ có hai mươi, không có hai mươi một, do

Hưởng thơm biến hiện khắp ở hai mươi thứ. Giống như Chiên đàn làm hai mươi sự. Há chỉ có riêng Chiên đàn? Chín sự sau như Hoa v.v... (Lọng hoa, Lọng tràng hoa... ” mỗi thứ đều có hai mươi, cũng như vậy.

